

HOẠT ĐỘNG THU HÚT VỐN FDI CỦA CÁC NƯỚC SNG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Ths. Đinh Mạnh Tuấn
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Hầu hết các nước trong Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) nhiều năm qua vẫn đóng vai trò là những nước chủ tiếp nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hơn là những nước đầu tư ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các nước trong cộng đồng này chủ yếu là do hai nước Nga và Azerbaijan thực hiện, trong đó một lượng vốn lớn được đầu tư trực tiếp hoặc thông qua nước thứ ba để đưa vào các nước SNG¹. Còn hoạt động thu hút vốn FDI của các nước SNG trong những năm qua tuy có xu hướng tăng nhưng nhìn chung vẫn còn ở mức khá thấp, mặc dù đây là khu vực có nhiều thuận lợi như nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn lao động có trình độ cao, thị trường rộng lớn và nhiều tiềm năng.

Trong những năm gần đây, mặc dù chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố nhưng dòng vốn FDI mà các nước SNG thu hút được có xu hướng tăng khá nhanh, tuy còn chưa ổn

định và lượng tăng không đồng đều giữa các nước. Bên cạnh những điểm tương đồng, dòng vốn FDI mà các nước SNG thu hút được trong những năm gần đây cũng có những mặt khác biệt rất rõ nét ở từng nước và từng nhóm nước.

1. Một số đặc điểm chung

Kể từ năm 2001 đến nay, dòng vốn FDI mà các nước SNG nhận được tăng khá nhanh. Bình quân giai đoạn 2001-2003, các nước SNG thu hút được lượng vốn hàng năm tăng 72% so với thời kỳ 1992-2000². Trong hai năm 2004 và 2005, dòng vốn FDI đầu tư vào những nước này tiếp tục tăng. Chỉ riêng năm 2004, các nước SNG đã thu hút được lượng vốn là 24,119 tỷ USD, cao gấp 2,67 lần mức vốn của năm 2003³.

¹ Peeter Vahtra (2005), trang 26.

² Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 11.

³ UNCTAD (2006), trang 307.

Bảng 1: Các dòng vốn FDI của các nước SNG thời gian 2003-2005

(Đơn vị: triệu USD)

	Dòng vốn vào			Dòng vốn ra		
	2003	2004	2005	2003	2004	2005
Armenia	157	217	220	-	2	7
Azerbaijan	3.285	3.556	1.680	933	1.205	1.221
Belarus	172	164	305	2	1	3
Georgia	340	499	450	4	10	-89
Kazakhstan	2.092	4.113	1.738	-121	-1.279	17
Kyrgyzstan	46	175	47	-	44	-
Moldova	78	154	225	-	3	-
Nga	7.958	15.444	14.600	9.727	13.782	13.126
Tajikistan	14	272	54	-	-	-
Turkmenistan	100	-15	62	-	-	-
Ukraine	1.424	1.715	7.808	13	4	275
Uzbekistan	70	1	45	-	-	-
SNG	15.736	26.295	27.234	10.558	13.772	14.560

Nguồn: UNCTAD (2006), trang 302

Có nhiều lý do dẫn tới những thành công trên, trong đó một số lý do chủ yếu là:

+ *Thứ nhất*, các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục nhìn nhận các nước trong khu vực này có những ưu thế như tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp, tỷ giá hối đoái khá ổn định và có thể dự đoán trước được⁴. Đồng nội tệ của các nước SNG nhìn chung được định giá rất thấp, thể hiện qua chỉ số về độ lệch của tỷ giá hối đoái (Exchange rate deviation index – ERDI) luôn ở mức khá cao, năm 2004 là 2,78. Điều này có nghĩa là khi một người phương Tây đến các nước SNG và mua các hàng hoá tiêu dùng thông thường tại đây, số tiền của họ sẽ có sức mua gấp gần 3 lần so

với khi mua hàng ở nước họ. Điều này đã góp phần tạo thêm sức hút vốn FDI của các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào những quốc gia SNG⁵ vì các sản phẩm của những dự án có vốn FDI được xuất khẩu sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn về giá.

+ *Thứ hai*, trong những năm gần đây, giá dầu mỏ và hàng loạt nguyên vật liệu, đặc biệt là sắt thép, luôn giữ ở mức cao, trong khi sản lượng khai thác của nhiều nước lại tăng nhanh. Điều này đã góp phần giúp nền kinh tế của các nước SNG từ năm 2001 đến nay, nhìn chung, duy trì ở mức tăng trưởng khá cao và ổn định.

⁴ Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 10.

⁵ Tauno Tiusanen, Jatta Kinnunen (2005), trang 7-9.

Bảng 2: Tăng trưởng GDP theo giá hiện hành của các nước SNG

(Đơn vị: %)

	2001	2002	2003	2004	2005
Azerbaijan	9,9	10,6	11,2	10,2	26,4
Armenia	9,6	13,2	14,0	10,5	14,0
Belarus	4,7	5,0	7,0	11,4	9,2
Georgia	4,8	5,5	11,1	5,9	9,3
Kazakhstan	13,5	9,8	9,3	9,6	9,5
Kyrgyzstan	5,3	0,0	7,0	7,0	-0,6
Moldova	6,1	7,8	6,6	7,4	7,1
Russia	5,1	4,7	7,3	7,2	6,4
Tajikistan	9,6	10,8	11,0	10,6	6,7
Turkmenistan	-	-	-	-	-
Uzbekistan	4,2	4,0	4,4	7,7	7,0
Ukraine	9,2	5,2	9,6	12,1	2,6
Trung bình SNG	6,2	5,3	7,8	8,1	6,8

Nguồn: www.cisstat.com

+ *Thứ ba*, lượng vốn FDI mà các nước SNG thu hút được thông qua hoạt động mua lại và sáp nhập (M&A) có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây. Trong năm 2003, chỉ riêng các hợp đồng M&A bán trong lĩnh vực lọc dầu đã chiếm 82% tổng giá trị M&A bán mà các nước SNG thực hiện. Còn trong năm 2004, các hợp đồng M&A bán trong lĩnh vực dịch vụ đã chiếm gần 2/3 tổng giá trị M&A bán của các nước SNG, trong đó ngành viễn thông chiếm tỷ lệ cao nhất⁶.

+ *Thứ tư*, các nước SNG những năm gần đây đã và đang có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư và đẩy mạnh hội nhập thông

qua việc tăng cường tham gia vào những tổ chức, diễn đàn và hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế. Armenia đã nỗ lực thực hiện cải cách hệ thống ngân hàng của mình, tiến hành tư nhân hoá quy mô lớn và thực hiện chính sách tăng cường khả năng cạnh tranh với những biện pháp như thành lập quỹ bảo hiểm tiền gửi do các ngân hàng địa phương đóng góp bắt buộc, áp dụng các điều luật thắt chặt hơn nữa hoạt động chống rửa tiền. Azerbaijan cũng thể hiện quyết tâm cải thiện tình trạng tham nhũng thông qua việc thành lập một uỷ ban đặc biệt chống tham nhũng. Còn Georgia và Moldova đã đạt được nhiều tiến bộ trong hoạt động điều hành của chính phủ, trong việc thực hiện tư nhân hoá và sáp

⁶ UNCTAD (2005), trang 76.

xếp lại các doanh nghiệp⁷. Đặc biệt nước Nga dưới thời của Tổng thống Putin với những chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn và các cuộc cải cách kinh tế đem lại hiệu quả cao đã giúp nền kinh tế Nga trong giai đoạn này đạt được thành công rất đáng ghi nhận với mức tăng trưởng cao và ổn định. Cho đến nay, một số nước như Armenia, Georgia, Kyrgyzstan và Moldova đã là thành viên chính thức của WTO, một số nước khác đang nỗ lực đàm phán để gia nhập tổ chức thương mại lớn nhất thế giới này. Những nỗ lực cải cách theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế của các nước SNG thời gian gần đây đã góp phần tạo thêm lòng tin cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Tuy lượng vốn FDI đầu tư vào các nước SNG thời gian gần đây có xu hướng tăng nhanh, nhưng lượng vốn này vẫn chủ yếu được đưa vào bốn nước là Nga, Azerbaijan, Kazakhstan và Ukraine. Trong năm 2004, lượng vốn mà bốn nước này nhận được chiếm tới 93% tổng lượng vốn FDI đầu tư vào các nước SNG⁸. Trong số đó, lượng vốn FDI mà ba nước là Nga, Azerbaijan và Kazakhstan thu hút được tăng nhanh là do có nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực khai thác tài nguyên thiên nhiên (đặc biệt là các dự án về dầu khí) và các lĩnh vực liên quan như xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó phần lớn là để vận chuyển dầu mỏ và khí ga.

Phần lớn vốn FDI đầu tư vào các nước SNG những năm qua đến từ Mỹ, các nước

Tây Âu và Nga. Vốn đầu tư của các nước châu Á cũng đóng vai trò nhất định ở các nước SNG thuộc khu vực Trung Á. Trong những năm gần đây, vốn FDI của Nga đầu tư vào các nước SNG liên tục tăng nhanh và những nước đang nhận được nhiều vốn đầu tư của Nga hiện nay là Ukraine, Belarus, Uzbekistan và Kazakhstan⁹.

2. Một số điểm khác biệt

Bên cạnh những đặc điểm chung, số lượng cũng như đặc điểm của dòng vốn FDI mà các nước SNG thu hút được trong những năm qua có rất nhiều khác biệt. Điểm nổi bật là do giá dầu thế giới thời gian qua luôn duy trì ở mức cao, trong khi trữ lượng tự nhiên về nguồn tài nguyên này của các nước SNG lại có khác biệt nhau lớn, nên khi phân tích về hoạt động thu hút vốn FDI của các nước SNG, người ta thường chia những nước này thành hai nhóm là những nước xuất khẩu năng lượng và những nước nhập khẩu năng lượng.

+ *Nhóm những nước xuất khẩu năng lượng*: Bao gồm các nước Azerbaijan, Kazakhstan, Nga và Turkmenistan. Đây là những nước có kim ngạch xuất khẩu năng lượng chiếm khoảng 70% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu trong giai đoạn 2001-2003¹⁰.

+ *Nhóm những nước nhập khẩu năng lượng*: Bao gồm những nước còn lại là

⁹ Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 13.

¹⁰ Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 11.

⁷ EBRD (2006), trang 54-55.

⁸ UNCTAD (2005), trang 76.

Armenia, Georgia, Kyrgyzstan, Moldova, Tajikistan, Ukraine, Belarus và Uzbekistan. Đây là nhóm những nước có kim ngạch nhập khẩu năng lượng chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2001-2003¹¹.

Một lý do khác để phân chia các nước SNG thành hai nhóm như trên khi tiến hành phân tích hoạt động thu hút FDI của những nước này là do các dự án đầu tư vào lĩnh vực năng lượng có những đặc trưng riêng. Các dự án này thường đặc biệt quan tâm tới và được quyết định bởi một số yếu tố như quy mô, chất lượng và vị trí của nguồn dự trữ năng lượng và ít coi trọng các yếu tố như môi trường đầu tư của nước nhận vốn. Các công ty đa quốc gia đầu tư vào lĩnh vực này thường có rất nhiều kinh nghiệm khi phải đối mặt với tình trạng hoạt động của chính phủ đạt hiệu quả thấp hay tình trạng tham nhũng ở nước sở tại. Ngoài ra, lĩnh vực dầu khí thường được áp dụng một chế độ thuế riêng với nhiều ưu đãi mà không lĩnh vực nào khác được hưởng¹².

Đối với nhóm *những nước xuất khẩu năng lượng*, nguồn vốn FDI những năm gần đây chủ yếu được đầu tư vào lĩnh vực năng lượng. Chỉ có nước Nga là ngoại lệ do nước này có dân số lớn, lên tới hơn 144 triệu người, nên vốn FDI cũng được đầu tư nhiều vào một số ngành khác.

Dòng vốn FDI đầu tư vào *Azerbaijan* gần đây tập trung nhiều hơn vào lĩnh vực dầu

khí do có nhiều dự án lớn đã được phê chuẩn và có nhiều triển vọng như: dự án xây dựng đường ống nối thủ đô Baku với cảng Ceyhan của Thổ Nhĩ Kỳ và thủ đô Tbilisi của Georgia nằm trong dự án khu khai thác Azeri-Chiray-Guneshi; khu khai thác khí gas Shah Deniz và dự án xây dựng đường ống dẫn ga Nam Caucasus¹³.... Trong khi đó, những ngành và lĩnh vực khác vẫn chỉ thu hút được lượng vốn FDI ở mức thấp. Một số ngành được các nhà đầu tư khá chú ý là xây dựng, thương mại và dịch vụ, công nghiệp, giao thông và viễn thông¹⁴.

Còn tại *Kazakhstan*, sau khi nước này thành lập Quỹ Dầu mỏ quốc gia vào năm 2000, quỹ này đã có số vốn tăng nhanh, đến giữa năm 2005 đã lên tới 6 tỷ USD và được dự đoán sẽ tiếp tục tăng ít nhất 1 tỷ USD/năm¹⁵. Quỹ này những năm qua đã góp phần giúp nâng cao lòng tin của các nhà đầu tư dầu khí toàn cầu và các công ty khai thác dầu. Bên cạnh đó, dự án xây dựng đường ống dẫn dầu khu vực Caspian từ khu khai thác dầu Tengiz tới biển Đen cho phép Kazakhstan xuất khẩu 8-9 triệu tấn dầu/năm từ cảng Akter ra thị trường thế giới mà không phải qua lãnh thổ Nga, cũng thu hút lượng vốn FDI rất lớn và làm tăng tỷ lệ vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực dầu khí¹⁶. Ngoài lĩnh vực dầu khí, một ngành khác của Kazakhstan đang thu hút được nhiều vốn FDI hơn, đó là

¹³ Clinton R. Shiells (2003), trang 9.

¹⁴ Xem thêm UNESCAP (2003), trang 71-72.

¹⁵ Financial Times, August 30th, 2005.

¹⁶ Tauno Tiusanen, Jatta Kinnunen (2005), trang 23-24.

¹¹ Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 11.

¹² Clinton R. Shiells (2003), trang 8.

ngành khai thác kim loại đen do nước này trữ lượng lớn, cộng với nguồn cung cấp năng lượng dồi dào và giá rẻ.

Cũng giống như hai nước trên, lượng vốn FDI mà *Turkmenistan*, nước được mệnh danh là “Kuwait của Trung Á”, những năm gần đây thu hút được tập trung chủ yếu vào lĩnh vực dầu khí và thường thực hiện thông qua các thoả thuận phân chia sản phẩm. Còn vốn FDI đầu tư vào những lĩnh vực khác vẫn chỉ ở mức thấp và chủ yếu thực hiện thông qua hình thức liên doanh.

Trong khi đó, tại *Nga*, lĩnh vực nhiên liệu và hoá dầu lại chỉ thu hút được khoảng 20% tổng lượng vốn FDI và đứng thứ hai sau lĩnh vực chế biến thức ăn về lượng vốn FDI thu hút được¹⁷. Tuy nhiên, vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực dầu khí của nước này cũng đang tăng nhanh do nhiều công ty xuyên quốc gia (TNCs) đầu tư vào những dự án lớn, đặc biệt là các dự án ở khu vực Sakhalin. Chỉ riêng hai dự án Shakhalin I và II đã thu hút tới 1,5 tỷ USD vốn FDI¹⁸. Ngoài ra, kế hoạch mua lại 50% số vốn góp trong liên doanh với Tyumen, công ty dầu khí lớn thứ 4 của Nga, với tổng vốn dự kiến khoảng 6,5 tỷ USD cũng làm tăng mạnh lượng vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực dầu khí của nước này¹⁹.

Đối với các nước thuộc nhóm nhập khẩu năng lượng, dòng vốn FDI mà những nước này nhận được những năm gần đây có rất

nhiều khác biệt giữa các nước trong nhóm. Tuy nhiên, nhìn chung các nhà đầu tư nước ngoài gần đây có xu hướng đầu tư nhiều hơn vào các lĩnh vực và ngành như ngân hàng, viễn thông và các sản phẩm thiết yếu khác. Nhờ vậy, dòng vốn FDI đầu tư vào những nước này cũng đã chuyển dần từ ngành sản xuất sang ngành dịch vụ và cho tới nay, cơ cấu vốn FDI phân theo ngành của những nước này đã chuyển dịch nhanh hơn so với các nước Trung và Đông Âu²⁰.

Trong số các nước thuộc nhóm nhập khẩu năng lượng, ở các nước Armenia, Georgia và Moldova, một lượng vốn FDI rất lớn đã được thu hút thông qua quá trình tư nhân hoá ngành năng lượng.

Tại *Armenia*, tuy quá trình tư nhân hoá trong ngành dầu khí và viễn thông không còn mạnh mẽ như trước nhưng đây vẫn tiếp tục là những ngành nhận được nhiều vốn FDI nhất, đứng tiếp sau là ngành chế biến thức ăn và ngành công nghiệp. Tuy vậy, lượng vốn FDI mà nước này thu hút được thời gian qua vẫn duy trì ở mức thấp so với các nước SNG khác.

Còn đối với *Georgia*, vốn FDI đầu tư vào nước này gần đây liên tục tăng, chủ yếu do một số dự án lớn đầu tư vào ngành dầu khí và quá trình tư nhân hoá ngành năng lượng. Mặc dù nước này rất có tiềm năng phát triển du lịch nhưng lượng vốn FDI đầu tư vào ngành này vẫn chưa nhiều.

¹⁷ Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 11.

¹⁸ Clinton R. Shiells (2003), trang 11.

¹⁹ UNCTAD (2003), trang 62.

²⁰ Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 12.

Trong khi đó, ở *Moldova*, lượng vốn FDI đầu tư vào nước này vẫn chưa nhiều và thiếu ổn định, mà một trong số những nguyên nhân chủ yếu là khan hiếm nguồn tài nguyên dẫn đến việc nước này phải nhập khẩu phần lớn nguồn năng lượng từ Nga. Gần đây, một số dự án lớn được đầu tư vào ngành điện tử, sản xuất khí ga và ngành cung cấp nước, cùng với việc đẩy mạnh tư nhân hoá trong ngành năng lượng đã làm tăng lượng vốn FDI trong một thời gian nhất định.

Ngoài ba nước trên, trong nhóm các nước nhập khẩu năng lượng, phần lớn lượng vốn mà hai nước là *Kyrgyzstan* và *Tajikistan* những năm gần thu hút được là vốn đầu tư vào các dự án khai thác vàng.

Tại *Kyrgyztan*, lượng vốn FDI nước này thu hút được chỉ ở mức thấp trong các năm 2001 và 2002 là do dự án liên doanh với Canada trị giá 307 triệu USD để khai thác vàng ở mỏ vàng Kumtor, mỏ vàng có trữ lượng lớn thứ 7 thế giới, vừa kết thúc. Đồng thời, quá trình tư nhân hoá thời gian này cũng chậm lại và những lo ngại về khủng bố ở khu vực phía Nam của nước này cũng là những nguyên nhân quan trọng khiến lượng vốn FDI thu hút được không nhiều. Tuy nhiên, với những nỗ lực chống khủng bố, cùng với việc chính phủ nước này đẩy mạnh cải cách hành chính, xoá bỏ quan liêu và những rào cản trong thể chế luật pháp... nên nguồn vốn FDI đầu tư vào nước này đã tăng nhanh kể từ năm 2003²¹. Hơn nữa, đã có

thêm một số dự án lớn đầu tư vào ngành khai thác vàng và ngành này hiện nay vẫn là ngành thu hút nhiều vốn FDI nhất.

Gần giống với *Kyrgyzstan*, ở *Tajikistan*, những ngành gần đây thu hút được nhiều vốn FDI nhất là ngành khai thác mỏ và dệt may. Một số ngành khác như công nghiệp, giao thông, viễn thông và xây dựng đã thu hút được thêm vốn FDI nhưng chưa nhiều. Cho đến nay, *Tajikistan* vẫn là nước thu hút được ít vốn nhất trong số các nước SNG do nước này không có nhiều nguồn tài nguyên, quy mô thị trường nhỏ với sức mua thấp, cùng với những lo ngại về tình trạng tham nhũng, thiếu an ninh và bất ổn chính trị khiến các nhà đầu tư nước ngoài còn dè dặt.

Là nước có số dân nhiều thứ hai trong số các nước SNG và đứng thứ nhất trong số các nước thuộc nhóm nhập khẩu năng lượng, với số dân khoảng 47 triệu người, *Ukraine* những năm gần đây tiếp tục thu hút nhiều vốn đầu tư vào khai thác thị trường nội địa. Những ngành vẫn thu hút được nhiều vốn FDI nhất là chế biến thực phẩm, phân phối bán lẻ và gần đây là ngân hàng. Dòng vốn FDI đầu tư vào nước này từ 2001 đến nay có xu hướng tăng nhanh, dù quốc gia này phải trải qua những biến động về chính trị từ cuối năm 2004 khi cuộc “Cách mạng Cam” diễn ra. Trong năm 2005, lượng vốn FDI mà nước này nhận được đã không giảm mà còn tăng lên mạnh mẽ, đạt 7,3 tỷ USD và cao gấp gần 5 lần năm 2004. Nguyên nhân chính của thực trạng trên là do *Ukraine* thực hiện tư nhân hoá nhà máy thép Kryvorizhstal với giá trị là

²¹ UNESCAP (2003), trang 145.

4,8 tỷ USD và việc tập đoàn Raiffeisen Banking Group của Áo mua lại ngân hàng Aval trong năm 2005²². Bước sang năm 2006, lượng vốn FDI đầu tư vào Ukraine tiếp tục duy trì ở mức cao vì các thể chế tài chính nước ngoài tiếp tục đầu tư vào nước này nhiều thông qua hoạt động mua cổ phần của các ngân hàng trong nước.

Mặc dù được xếp vào nhóm những nước nhập khẩu năng lượng, nhưng khác với các nước khác, Belarus và Uzbekistan được đánh giá là những quốc gia chưa thực hiện những cải cách căn bản theo hướng thị trường và vì vậy, đây là một trong những nguyên nhân chính khiến dòng vốn FDI đầu tư vào hai nước này vẫn luôn ở mức rất thấp²³.

Mặc dù *Belarus* có vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp với Nga và nhiều nước thành viên mới của EU, nhưng lượng vốn FDI mà Belarus thu hút được những năm qua luôn ở mức thấp và thiếu ổn định. Một mặt, nước này vẫn đang theo đuổi chính sách “hướng Đông” vốn không được Mỹ và các nước EU ủng hộ. Mặt khác, nguồn tài nguyên của nước này cũng không nhiều và hiện các công ty khai thác mỏ vẫn chưa có nhiều lựa chọn để đầu tư. Hơn nữa, các quan chức địa phương thường có những can thiệp sâu vào hoạt động của các doanh nghiệp²⁴.... Tất cả những yếu tố trên khiến sức hấp dẫn về thu hút vốn FDI của Belarus thời gian qua vẫn chưa cao.

Đối với *Uzbekistan*, mặc dù là nước có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên, với trữ lượng vàng lớn thứ 4 và trữ lượng uranium lớn thứ 5 thế giới, cùng với trữ lượng kim loại và dầu khí lớn, nhưng quốc gia này vẫn là một trong số những nước SNG thu hút được ít vốn FDI nhất những năm qua. Mặc dù từ năm 2000, chính phủ nước này đã đưa ra hàng loạt các biện pháp khuyến khích các công ty nước ngoài đầu tư vào ngành khai thác dầu khí, nhưng kết quả thu được chưa nhiều. Bên cạnh việc nhà nước còn can thiệp sâu vào nền kinh tế, đặc biệt là đối với hệ thống tài chính và hoạt động ngoại thương, các yếu tố khác như lo ngại về tình trạng tham nhũng tiếp tục khiến hình ảnh của quốc gia này chưa mấy hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài²⁵.

Tóm lại, mặc dù có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư chung, đặc biệt là ở những nước khan hiếm tài nguyên thiên nhiên, nhưng những kết quả trong thu hút vốn FDI mà các nước SNG thu được gần đây vẫn còn không ít hạn chế. Các nhà đầu tư nước ngoài vẫn chủ yếu đầu tư vào những ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên, trong đó lĩnh vực dầu khí vẫn thu hút phần lớn lượng vốn FDI của các nước. Chỉ có hai nước là Nga và Ukraine với lớn quy mô dân số lớn là thu hút được nhiều vốn FDI vào các ngành khai thác thị trường nội địa, bên cạnh ngành dầu khí.

Những trở ngại chính khiến các nước SNG vẫn chưa thu hút được nhiều vốn FDI là

²² Roman Olearchyk (2006), trang 1.

²³ Clinton R. Shiells (2003), trang 14.

²⁴ Tauno Tiusanen, Jatta Kinnunen (2005), trang 33.

²⁵ Tauno Tiusanen, Jatta Kinnunen (2005), trang 29.

do lo ngại về tình trạng tham nhũng và tội phạm còn diễn ra khá phổ biến, những cải cách hệ thống được thực hiện nhưng chưa hoàn chỉnh, cơ sở hạ tầng còn rất lạc hậu, khung pháp lý và cơ chế điều tiết còn kém hiệu quả, các chính sách còn thiếu ổn định trong thực hiện, các cấp chính quyền còn can thiệp sâu vào hoạt động của các doanh nghiệp và nền kinh tế vĩ mô còn nhiều nguy cơ gây mất ổn định.... Nhiều công trình nghiên cứu và các báo cáo của Ngân hàng Thế giới gần đây đều có nhận định chung là môi trường kinh doanh của nhiều nước SNG hiện còn nhiều yếu kém và thiếu hấp dẫn hơn rất nhiều so với một số nước ở khu vực Trung, Đông Âu và Ban-tích²⁶.

Bên cạnh những vấn đề chung, còn có những trở ngại đối với riêng một hay một vài nước như vị trí địa lý kém thuận lợi, khan hiếm tài nguyên thiên nhiên, quy mô thị trường nhỏ và mức sống dân cư thấp, những căng thẳng chính trị ở từng nước, những tranh chấp giữa hai hay nhiều nước trong khu vực.... Những yếu tố khác biệt của riêng từng nước, cùng với việc các nước SNG chưa có cơ chế điều tiết nguồn vốn này giữa các nước thành viên khiến dòng vốn FDI đầu tư vào những quốc gia này thời gian qua còn khá khiêm tốn, đồng thời lại rất khác nhau cả về mặt số lượng cũng như những đặc điểm tại từng nước.

Tài liệu tham khảo

- 1) Clinton R. Shiells (2003), *FDI and the Investment Climate in the CIS countries*.
- 2) EBRD (2006), *Annual Report 2005*.
- 3) Peeter Vahtra (2005), *Russia Investment in the CIS – Scope, Motivation and Leverage*.
- 4) Peter Rutland (2005), *CIS economies: Growth without prosperity?*, www.jamestown.org ngày 02/03/2005.
- 5) Roman Olearchyk (2006), *FDI inflows remain high against lackluster GDP growth*, www.kyivpost.com ngày 01/01/2006.
- 6) Tauno Tiusanen, Jatta Kinnunen (2005), *The Commonwealth of Independent States – CIS countries in transition*.
- 7) Trang web của Ủy ban Thống kê Liên quốc gia SNG: www.cisstat.com
- 8) UNCTAD (2003), *World Investment Report 2003*.
- 9) UNCTAD (2005), *World Investment Report 2005*.
10. UNCTAD (2006), *World Investment Report 2006*.
11. UNESCAP (2003), *Foreign Direct Investment in Central Asian and Caucasian economies: Policies and Issues*.
12. Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), *Business Climate in CIS Countries*.

²⁶ Xem thêm Vladimir Dubrovskiy, Oleg Ustenko (2005), trang 6-8.